

Bản án số: 894/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 10-6-2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Xuân Lan

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Bà Nguyễn Phước Trinh

2- Bà Phạm Thị Ngọc

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 828/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 207/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20/5/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thanh T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số 15A, đường 422, tổ 02, ấp 6, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Tấn P, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số 15A, đường 422, tổ 02, ấp 6, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn nội dung xin ly hôn ngày 17/11/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà T trình bày: Bà với ông Võ Tấn P tự nguyện tiến tới hôn nhân, đã được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01, ngày 14/3/2001. Lúc đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và sinh được 01 con chung; sau đó, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, có lúc bà bị ức chế không thể nói chuyện được với ông Phát trong một thời gian dài. Tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt đi, mâu thuẫn ngày càng tăng lên không thể hàn gắn được. Bà lo lắng nếu tình trạng này kéo dài sẽ ảnh hưởng đến con bà. Bà và ông P đã ly thân hơn 01 năm nay, không còn quan hệ vợ chồng, mỗi người đã có cuộc sống riêng.

Hiện vợ chồng bà không còn tình cảm yêu thương, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Hoài A, sinh ngày 14/12/2001 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà xác định không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; 01 Giấy khai sinh (bản sao); chứng minh nhân dân + sổ hộ khẩu (sao y) của nguyên đơn, bị đơn; Đơn xác nhận nơi cư trú.

Ông Võ Tấn P đã được Tòa án tổng đạt: Thông báo thụ lý; Thông báo mở phiên họp về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến tham dự phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã P, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Ông Võ Tấn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thanh T với ông Võ Tấn P tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01, ngày 14/3/2001 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông P là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của bà T thì mâu thuẫn giữa bà với ông P là trầm trọng và không thể hàn gắn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng bà không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, có lúc bà bị ức chế không thể nói chuyện được với ông P trong một thời gian dài, tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt đi, mâu thuẫn ngày càng tăng lên không thể hàn gắn được. Bà và ông P đã ly thân hơn 01 năm nay, không còn quan hệ vợ chồng, mỗi người đã có cuộc sống riêng.

Ông P đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có

liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông P là có căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp và chứng cứ mà Tòa thu thập được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự là có cơ sở.

Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà T với ông P không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Hoài A, sinh ngày 14/12/2001 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có nên Tòa không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có nên Tòa án không xem xét.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; cần buộc bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thanh T được ly hôn với ông Võ Tấn P. Giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01, ngày 14/3/2001 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C cấp cho bà T, ông P không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Võ Hoài A, sinh ngày 14/12/2001 (đã trưởng thành).

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có, Tòa án không xem xét.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có, Tòa án không xem xét.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) buộc bà Trần Thanh T phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0043495 ngày 16/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã P, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Xuân Lan